

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HS-ST

Ngày: 24 - 7 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lò Thị Hiêng

Bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Đặng Phương Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Ôn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 134/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/HSST-QĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Thị T** Tên gọi khác: Không có tên gọi khác

Sinh năm: 1991 tại tỉnh Điện Biên.

Nơi thường trú - Nơi ở hiện tại: Bản C, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Nay là B, phường Đ, tỉnh Điện Biên). Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; Con ông: Lò Văn H và bà: Lò Thị U; Bị cáo có chồng: Nguyễn Văn Đ (đã ly hôn) và 01 con (đã chết); Tiền án: không; tiền sự: không. Nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị tạm giữ từ ngày 16/01/2025 sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Phạm Mạnh H - sinh năm 1990. Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là B, xã T, tỉnh Điện Biên). (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1974. Địa chỉ: Trạm V - Bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Bản N, xã M, tỉnh Điện Biên). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 00 phút ngày 16/01/2025, tổ công tác Công an thành phố Đ (nay là Công an tỉnh Điện Biên) làm nhiệm vụ tại khu vực đường Lê Đức T thuộc Tổ dân phố X, phường T, thành phố Đ (nay là phường Đ), tỉnh Điện Biên phát hiện Nguyễn Văn T đang điều khiển xe máy BKS 90F5-37xx chở theo Lò Thị T có biểu hiện nghi vấn tội phạm về ma túy. Tổ công tác yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Sau khi được Tổ công tác vận động, giải thích, T khai nhận đang cất giấu ma túy và tự giác lấy từ yên xe máy ở giữa chỗ ngồi giữa T và T ra giao nộp cho tổ công tác 01 gói giấy bạc màu vàng, bên trong có chứa 20 viên nén màu hồng, trên một mặt của các viên nén có ký hiệu WY. Lò Thị T khai nhận đó là ma túy Hồng phiến. Nguồn gốc số ma túy là do bị cáo mua trước đó của người đàn ông tên M (không biết đầy đủ họ tên, địa chỉ) quen biết ở khu vực Tổ dân phố X, phường Đ, tỉnh Điện Biên với giá 1.500.000 đồng, mục đích để bản thân sử dụng và bán cho Phạm Mạnh H. Sau khi mua được ma túy bị cáo để trên khoảng trống yên xe máy giữa chỗ ngồi của ông T và bị cáo để đi về nhà, sau đó thì bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 gói như trên, bên trong có chứa 20 viên nén màu hồng, khối lượng 1,89 gam và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen.

Tại bản kết luận giám định số 117/KL-KTHS ngày 22/01/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Vật chứng có khối lượng 1,89 gam các viên nén màu hồng là chất ma túy: Loại Methamphetamine. Hoàn lại đối tượng giám định có khối lượng 1,59 gam có biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định kèm theo.

Tại bản cáo trạng số 75/CT-VKSĐBP ngày 26/6/2025 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Điện Biên) đã truy tố bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy. Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tháng tù. Không áp

dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 1,59 gam Methamphetamine còn lại sau giám định, 01 mảnh giấy bạc màu vàng không có giá trị sử dụng; Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen bị cáo dùng để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về phần luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không bào chữa gì cho hành vi của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cơ hội sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Xét thấy, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra họ đã cung cấp đầy đủ lời khai, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy niêm phong lại vật chứng, Kết luận giám định...Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Hồi 21 giờ 00 phút ngày 16/01/2025, tại khu vực Tổ dân phố X, phường T, thành phố Đ (nay là phường Đ), tỉnh Điện Biên, Lò T đã có hành vi cất giấu trái phép 1,89 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên) đã truy tố đối với bị cáo là có

căn cứ pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 52/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, do bị cáo thiếu ý thức, rèn luyện bản thân nên đã sử dụng ma túy, hám lời muốn có tiền để tiêu sai nên đã thực hiện hành vi phạm tội.

Hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo nên hội đồng xét xử chấp nhận. Cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tù phù hợp, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục, cho bị cáo có thời gian cai nghiện để trở thành công dân tốt, có ý thức tuân thủ pháp luật.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì ngoài hình phạt chính người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng... tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định, không có tài sản gì có giá trị. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có khả năng thi hành.

[5]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Đối với 1,89 gam Methamphetamine thu giữ của bị cáo, sau khi gửi toàn bộ giám định còn lại 1,59 gam là vật Nhà nước cấm tàng trữ; mảnh giấy bạc là vật dùng gói ma túy không có giá trị, không sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus thu giữ của bị cáo: Quá trình điều tra xác định bị cáo dùng để liên lạc trao đổi mua bán ma túy,

là vật mang dấu vết tội phạm nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

[6]. Các vấn đề khác:

Đối với người bán ma túy: Quá trình điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với anh Phạm Mạnh H: Không thừa nhận nhờ bị cáo mua hộ ma túy, ngoài lời khai của bị cáo không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc đã nhờ bị cáo mua ma túy. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với ông Nguyễn Văn T: Được bị cáo nhờ chở đi, nhưng không biết bị cáo đi lấy ma túy. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[7]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ (nay là Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên), Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Điện Biên) trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Tuyên bố bị cáo Lò Thị T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Lò Thị T 02 (hai) năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (16/01/2025).

3. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 1,59 gam Methamphetamine vật chứng còn lại sau giám định và 01 mảnh giấy bạc màu vàng. (Đã niêm phong)

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, mặt lưng có in dòng chữ: Model A1784 FCC ID: BCG-E3092A IC: 579C-E3092A, bên trong điện thoại có lắp 01 sim nhãn hiệu Viettel, trên mặt sim in hàng số 8984048000076300189, điện thoại cũ đã qua sử dụng, màn hình điện thoại có nhiều vết nứt vỡ, vỏ thân điện thoại nhiều vết trầy xước... (Đã niêm phong)

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng 26/6/2025).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/7/2025). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND khu vực 1 - ĐB;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh ĐB;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh ĐB;
- Phân trại tạm giam khu vực TP ĐBP;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Phòng cảnh sát THAHS và HTTP Công an tỉnh ĐB;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐB;
- THADS tỉnh ĐB;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ